

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CLC-CĐ N h c : 2013-2014 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 131017200204 - C h c k t c u H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñ I M THI	QUY TS : 70%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671040641	36CLC-CĐ	ñ @ Gia B o	26/07/1994				7.0	1.0	3.0	3.7	1.1	1.5	1.1	2.2	
2	3671040560	36CLC-CĐ	Tr ng Thanh B ình	18/06/1994				7.0	4.0	6.0	5.7	1.7	9.0	6.3	8.0	
3	3671041110	36CLC-CĐ	Nguy n H u C nh	07/10/1994				2.0	3.0	4.0	3.0	0.9	3.0	2.1	3.0	
4	3671040058	36CLC-CĐ	ñ @ Nguy ² n Cát	28/08/1994				10.0	7.0	9.0	8.7	2.6	9.5	6.7	9.3	
5	3671041188	36CLC-CĐ	Nguy n V ñ C ng	22/10/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
6	3671041895	36CLC-CĐ	Tr n Kh i C ng	21/05/1993				1.0	3.0	4.0	2.7	0.8	4.5	3.2	4.0	
7	3671040372	36CLC-CĐ	Nguy n T ã ng Ch ình	27/12/1994				3.0	3.0	0.0	2.0	0.6	2.5	1.8	2.4	
8	3671040068	36CLC-CĐ	Tr n V ñ Du n	06/02/1994				2.0	4.0	3.0	3.0	0.9	4.0	2.8	3.7	
9	3671040702	36CLC-CĐ	Nguy n Ti n D ñ g	16/08/1993				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
10	3671041133	36CLC-CĐ	Tr n Anh D ñ g	03/10/1994				3.0	5.0	6.0	4.7	1.4	6.0	4.2	5.6	
11	3671040237	36CLC-CĐ	Lê Thanh H i	12/01/1994				8.0	9.0	8.0	8.3	2.5	9.0	6.3	8.8	
12	3671040857	36CLC-CĐ	V H S n H i	14/08/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
13	3571010143	36CLC-CĐ	Nguy n Thanh Hoàng	05/03/1993				8.0	10.0	8.0	8.7	2.6	8.5	6.0	8.6	
14	3671040736	36CLC-CĐ	T V ñ Hóa	01/10/1993				5.0	6.0	6.0	5.7	1.7	4.5	3.2	4.9	
15	3671041641	36CLC-CĐ	Ph m S n Hùng	02/04/1994				5.0	6.0	5.0	5.3	1.6	6.5	4.6	6.2	
16	3671040043	36CLC-CĐ	Nguy n Anh Kì t	14/10/1994				8.0	5.0	5.0	6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	
17	3671040997	36CLC-CĐ	Bùi Duy Khánh	23/07/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
18	3671041997	36CLC-CĐ	Ph m M c Quang Khuê	13/08/1994				2.0	4.0	4.0	3.3	1.0	4.5	3.2	4.1	
19	3671041948	36CLC-CĐ	Nguy n ñ c Linh	18/03/1994				5.0	4.0	4.0	4.3	1.3	3.5	2.5	3.8	

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CLC-CĐ N ầ h c : 2013-2014 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 131017200204 - C h c k t c u H c km : HK01

STT	M í S	L P SV	H V ầ T c N	NG ẦY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấI M THI	QUY TS : 70%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671040193	36CLC-CĐ	Ph m L i	19/03/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
21	3671040535	36CLC-CĐ	Nguy n Nh t Minh	09/04/1994				7.0	7.0	4.0	6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	
22	3671041956	36CLC-CĐ	Nguy n H u Nam	08/11/1994				7.0	8.0	7.0	7.3	2.2	8.5	6.0	8.2	
23	3671040078	36CLC-CĐ	Tr n ấ nh Nam	29/12/1994				5.0	4.0	4.0	4.3	1.3	5.5	3.9	5.2	
24	3671040690	36CLC-CĐ	Tr n Hi u Nh ầ	29/04/1994				8.0	8.0	6.0	7.3	2.2	9.5	6.7	8.9	
25	3671041850	36CLC-CĐ	B ầ L 2 Tu n Phong	07/01/1994				10.0	8.0	6.0	8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
26	3671041572	36CLC-CĐ	Nguy n Ho ầ ng Ph ầc	20/02/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
27	3671040386	36CLC-CĐ	Nguy n Minh Quang	14/07/1994				6.0	6.0	4.0	5.3	1.6	7.5	5.3	6.9	
28	3671040350	36CLC-CĐ	Ph ầ ng V ầ Nh Sang	25/04/1994				3.0	2.0	5.0	3.3	1.0	5.0	3.5	4.5	
29	3671040284	36CLC-CĐ	Nguy n Ti n S	09/01/1994				4.0	4.0	6.0	4.7	1.4	6.5	4.6	5.9	
30	3671040197	36CLC-CĐ	Nguy n T n T ầnh	19/03/1994				5.0	6.0	4.0	5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
31	3671040457	36CLC-CĐ	H C ầ ng Tu n	13/10/1994				5.0	2.0	0.0	2.3	0.7	0.0	0.0	0.7	N HP
32	3671041906	36CLC-CĐ	Nguy n C ầ ng Thanh	02/12/1993				10.0	9.0	8.0	9.0	2.7	7.0	4.9	7.6	
33	3671041602	36CLC-CĐ	Tr n Ng c Th ầnh	23/08/1994				3.0	2.0	4.0	3.0	0.9	2.0	1.4	2.3	
34	3671041945	36CLC-CĐ	L 2 Ti n Th ng	20/06/1992				4.0	0.0	0.0	1.3	0.4	4.0	2.8	3.2	N HP
35	3671041131	36CLC-CĐ	Nguy n Minh Trai	00/01/1900				5.0	7.0	5.0	5.7	1.7	8.0	5.6	7.3	
36	3671040959	36CLC-CĐ	Lê Công Tri u	14/05/1994				3.0	0.0	0.0	1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	

T ñg s : 36 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ñg Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa